

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BỒ ĐỀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bồ Đề, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách quý III năm 2025 phường Bồ Đề

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BỒ ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 18/7/2025 của Hội đồng nhân dân phường Bồ Đề về việc phê chuẩn dự toán ngân sách phường Bồ Đề năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách phường Bồ Đề quý III năm 2025 *(Theo các biểu đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND TP Hà Nội;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng uỷ, TT HĐND;
- Các phòng ban, ngành, đoàn thể thuộc phường;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT (03b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Bạch Đằng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ III NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	420.753.807	420.753.807	100
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	0	0	0
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	0	0	0
3	Thu bổ sung	420.753.807	420.753.807	100
	- Thu bổ sung cân đối	73.113.000	73.113.000	100
	- Thu bổ sung có mục tiêu	347.640.807	347.640.807	100
4	Thu chuyển nguồn	0	0	0
II	TỔNG SỐ CHI	420.753.807	259.389.371	61
1	Chi đầu tư phát triển	0	0	0
2	Chi thường xuyên	417.272.807	258.895.821	62
3	Dự phòng	1.481.000	493.550	33

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ III NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ III		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSP	THU NSNN	THU NSP	THU NSNN	THU NSP
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU	486.101.807	420.753.807	470.595.569	420.753.807	96	100
I	Các khoản thu 100%						
	Phí, lệ phí	0	0	0	0	0	0
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	0	0	0	0	0	0
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	0	0	0	0	0
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	0	0	0	0	0	0
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	0	0	0	0	0	0
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	0	0	0	0	0	0
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	0	0	0	0	0	0
	Các khoản thu khác	0	0	0	0	0	0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)						
1	Các khoản thu phân chia						
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.444.000	0	7.588.000	0	52	0

	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	0	0	0	0	0	0
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	676.000	0	789.000	0	116	0
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	46.828.000	0	40.435.000	0	86	0
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	3.400.000	0	1.029.762	0	30	0
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	0	0	0	0	0	0
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho phường (nếu có)	0	0	0	0	0	0
IV	Thu chuyển nguồn	0	0	0	0	0	0
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	0	0	0	0	0	0
VI	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố	420.753.807	420.753.807	420.753.807	420.753.807	100	100
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	73.113.000	73.113.000	73.113.000	73.113.000	100	100
	Thu bổ sung có mục tiêu	347.640.807	347.640.807	347.640.807	347.640.807	100	100

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ III NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			THỰC HIỆN QUÝ III			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	420.753.807	0	420.753.807	259.389.371	0	259.389.371	61	0	61
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	255.395.000	0	255.395.000	167.852.292	0	167.852.292	66	0	66
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chi y tế	4.659.000	0	4.659.000	2.976.540	0	2.976.540	64	0	64
4	Chi văn hóa, thông tin	9.880.800	0	9.880.800	5.299.661	0	5.299.661	54	0	54
5	Chi phát thanh, truyền thanh	464.000	0	464.000	195.782	0	195.782	42	0	42
6	Chi thể dục thể thao	1.505.200	0	1.505.200	889.356	0	889.356	59	0	59
7	Chi bảo vệ môi trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Chi các hoạt động kinh tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	103.005.407	0	103.005.407	62.307.238	0	62.307.238	60	0	60
10	Chi cho công tác xã hội	28.389.600	0	28.389.600	19.374.952	0	19.374.952	68	0	68
11	Chi khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Dự phòng ngân sách	1.481.000	0	1.481.000	493.550	0	493.550	33	0	33

